

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020



MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 44

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 1 năm 2019.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1, phố Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam và có các đơn vị trực thuộc sau:

Đơn vị trực thuộc

Địa chỉ

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Tây Nguyên	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Kinh doanh Nông sản	Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển	Huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Nhà máy Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch
Ông Trần Đình Long	Thành viên
Ông Đỗ Bá Vọng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Trường	Thành viên
Ông Nguyễn Khánh Quỳnh	Thành viên



Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban	bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Bà Vũ Thị Lan Anh	Trưởng Ban	miễn nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2020
Ông Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Trường	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 2 tháng 7 năm 2020
Bà Trần Kim Liên	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 2 tháng 7 năm 2020
Ông Đỗ Bá Vọng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hải Thọ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Dương Quang Sáu	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Trần Kim Liên, Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 28 tháng 8 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:


Nguyễn Quang Trường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2020

Số tham chiếu: 61201380/21881493-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 8 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 44, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Lê Thị Tuyết Mai
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1575-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		444.161.544.704	538.513.127.346
110	I. Tiền	5	68.788.210.807	163.533.961.249
111	1. Tiền		68.788.210.807	163.533.961.249
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		470.205.700	470.205.700
121	1. Chứng khoán kinh doanh		636.162.000	636.162.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(165.956.300)	(165.956.300)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		135.017.995.302	173.858.021.104
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	117.632.010.213	153.293.762.345
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	11.371.050.146	10.140.128.181
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	6.075.522.943	10.484.718.578
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(60.588.000)	(60.588.000)
140	IV. Hàng tồn kho	9	236.850.438.246	197.966.683.066
141	1. Hàng tồn kho		239.413.078.677	200.529.323.497
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.562.640.431)	(2.562.640.431)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.034.694.649	2.684.256.227
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	3.000.317.412	2.683.919.097
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		34.377.237	337.130
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.366.492.805.217	1.315.309.295.265
220	I. Tài sản cố định		170.717.096.721	157.814.265.366
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	159.805.446.993	153.727.227.338
222	Nguyên giá		277.762.636.837	265.824.385.086
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(117.957.189.844)	(112.097.157.748)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	10.911.649.728	4.087.038.028
228	Nguyên giá		22.051.126.922	14.801.264.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.139.477.194)	(10.714.225.972)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		85.627.134.741	264.339.335.770
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	85.627.134.741	264.339.335.770
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	14	1.107.501.491.526	891.429.300.526
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.081.452.471.526	865.380.280.526
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		26.049.020.000	26.049.020.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		2.647.082.229	1.726.393.603
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.856.609.880	935.921.254
262	2. Tài sản thuế TNDN hoãn lại	26.3	790.472.349	790.472.349
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.810.654.349.921	1.853.822.422.611

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		527.760.899.761	538.268.010.079
310	I. Nợ ngắn hạn		483.487.257.808	484.278.516.354
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	84.022.458.900	107.708.689.747
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	3.825.178.871	8.937.762.099
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	4.940.627.273	3.312.383.954
314	4. Phải trả người lao động		13.208.222.010	19.007.491.024
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.967.624.597	1.854.106.771
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	183.782.057.573	135.307.872.359
320	7. Vay và nợ ngắn hạn	18	148.625.200.750	178.577.573.800
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		43.115.887.834	29.572.636.600
330	II. Nợ dài hạn		44.273.641.953	53.989.493.725
338	1. Vay và nợ dài hạn	18	44.273.641.953	53.989.493.725
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.282.893.450.160	1.315.554.412.532
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	1.282.893.450.160	1.315.554.412.532
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		175.869.880.000	175.869.880.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		175.869.880.000	175.869.880.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		331.245.527.850	331.245.527.850
415	3. Cổ phiếu quỹ		(50.000.000)	(50.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		404.134.616.497	363.972.538.007
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		371.693.425.813	444.516.466.675
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		301.668.402.295	236.523.025.557
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước		70.025.023.518	207.993.441.118
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.810.654.349.921	1.853.822.422.611

Người lập
Lê Thành Chung

Kế toán trưởng
Phan Thế Tỷ

Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Trường

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	463.198.115.415	506.935.742.086
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	46.033.095.706	55.586.959.726
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ ([10] = [01] – [02])	21.1	417.165.019.709	451.348.782.360
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	269.117.279.407	280.305.142.983
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ ([20] = [10] – [11])		148.047.740.302	171.043.639.377
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	3.306.617.697	33.232.577.886
22	7. Chi phí tài chính	23	4.996.925.487	7.537.152.551
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.034.540.961	5.968.421.790
25	8. Chi phí bán hàng	24	38.672.320.899	44.247.144.568
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	32.750.683.424	39.156.827.428
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ([30] = [20] + [21] – [22] – [25] – [26])		74.934.428.189	113.335.092.716
31	11. Thu nhập khác		142.108.038	29.000.000
32	12. Chi phí khác		-	65.355.792
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác ([40] = [31] – [32])		142.108.038	(36.355.792)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế ([14] = [30] + [40])		75.076.536.227	113.298.736.924
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	5.051.512.709	4.065.170.763
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	26.3	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN ([60] = [50] – [51] – [52])		70.025.023.518	109.233.566.161

Người lập
Lê Thành Chung

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2020

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý

Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Trường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		429.260.593.814	380.484.059.347
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(296.239.034.543)	(342.715.877.800)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(51.073.127.096)	(47.836.098.779)
04	Tiền lãi vay đã trả		(2.747.093.092)	(5.210.425.155)
05	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(3.183.348.038)	(4.977.393.034)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		25.821.173.458	44.719.023.464
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(59.995.037.711)	(15.587.458.883)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		41.844.126.792	8.875.829.160
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(74.274.904.177)	(95.726.685.436)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.063.636.364	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.644.701.676	32.738.678.954
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(70.566.566.137)	(62.988.006.482)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		180.995.278.628	162.890.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		(220.663.503.450)	(117.265.631.650)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(26.361.774.000)	(26.361.774.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(66.029.998.822)	19.262.594.350

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(94.752.438.167)	(34.849.582.972)
60	Tiền đầu kỳ		163.533.961.249	112.331.994.039
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		6.687.725	6.333.818
70	Tiền cuối kỳ	5	68.788.210.807	77.488.744.885



Người lập
Lê Thành Chung



Kế toán trưởng
Phan Thế Tý



Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Trường

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam ("Công ty"), tên trước đây là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương, là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BN-TCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 1 năm 2019.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng là dưới 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1, phố Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam và có các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Đơn vị trực thuộc</i>	<i>Địa chỉ</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Tây Nguyên	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Kinh doanh Nông sản	Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển	Huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Nhà máy Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 359 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 385).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 6 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết		Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ
		Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019		
1	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	53,80%	53,80%	53,80%	53,80%	Phường Phú Lãm, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận.
2	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	90,02%	90,02%	90,02%	90,02%	Xã Điện Thắng Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Cung cấp dịch vụ trồng trọt, bán buôn nông, lâm sản, nguyên vật liệu, chế biến nông lâm sản, mua bán vật tư phục vụ nông nghiệp.
3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	96,41%	96,41%	96,41%	96,41%	Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại.
4	Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam (*)	80,73%	80,73%	83,74%	83,74%	Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	94%	94%	94%	94%	Huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Sản xuất, kinh doanh các loại dưa và rau quả nông sản cao cấp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu; nghiên cứu ứng dụng, đào tạo, chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao.
6	Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam	100%	100%	100%	100%	Xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất kinh doanh hạt giống và nông sản.

(*) Công ty nắm giữ công ty con này gián tiếp qua một công ty con khác của Công ty là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục phá sản doanh nghiệp theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 14. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 vào ngày 28 tháng 8 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa | - | giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Bản quyền

Bản quyền các loại giống được ghi nhận theo giá mua đối với các loại giống không do Công ty tự nghiên cứu và phát triển. Bản quyền được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua bản quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 7 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Bản quyền	2 - 5 năm
Tài sản cố định khác	15 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không được khấu hao.

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau.

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

3.20 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

Vào ngày 1 tháng 11 năm 2019, Công ty đã thành lập Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 7407342160 ngày 13 tháng 9 năm 2018 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1402133347 ngày 1 tháng 11 năm 2019. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ theo các giấy chứng nhận này bằng tài sản cố định với tổng giá trị là 216.072.191.000 VND, tương ứng 100% tỷ lệ sở hữu vào công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Tiền mặt	2.281.937.008	10.109.071.081
Tiền gửi ngân hàng	66.506.273.799	153.424.890.168
TỔNG CỘNG	68.788.210.807	163.533.961.249

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	-	41.471.500.000
Công ty Cổ phần Giống Nông nghiệp Điện Biên	3.889.480.000	4.189.480.000
Phải thu từ khách hàng khác	90.375.367.024	96.966.828.915
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	23.367.163.189	10.665.953.430
TỔNG CỘNG	117.632.010.213	153.293.762.345
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(60.588.000)	(60.588.000)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Trả trước cho các nhà thầu xây dựng	2.682.925.080	179.906.706
Công ty TNHH MTV Công nghệ Sau thu hoạch Dương Xuân Quã	1.780.730.000	-
Công ty TNHH cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa	573.267.580	-
Trả trước cho nhà thầu xây dựng khác	328.927.500	179.906.706
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	6.219.810.465	9.284.336.874
Ban Quản lý Dự án Khu công nghiệp Hà Nam	2.000.000.000	2.000.000.000
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	4.219.810.465	7.284.336.874
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	2.468.314.601	675.884.601
TỔNG CỘNG	11.371.050.146	10.140.128.181

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bồi thường giải phóng mặt bằng	2.114.960.000	2.114.960.000
Tạm ứng chi phí hoạt động cho nhân viên	1.396.788.246	1.168.248.255
Ký cược, ký quỹ	322.557.060	1.877.300.000
Tạm ứng kinh phí cho công tác nghiên cứu	-	3.108.066.865
Phải thu từ các dự án tài trợ	7.100.000	165.150.000
Phải thu khác	2.234.117.637	2.050.993.458
TỔNG CỘNG	6.075.522.943	10.484.718.578
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn khác	5.271.917.670	5.672.989.793
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	803.605.273	4.811.728.785

8. NỢ XẤU

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Vật tư				
Nông nghiệp Phú Quý	30.336.000	-	30.336.000	-
Bà Nguyễn Thị Đào	20.000.000	-	20.000.000	-
Nguyễn Hường -Trạm Bảo vệ thực vật Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh	8.572.000	-	8.572.000	-
Phòng Nông nghiệp huyện Thạch Hà	1.680.000	-	1.680.000	-
TỔNG CỘNG	60.588.000	-	60.588.000	-

Các khoản nợ trên đã được Công ty trích lập dự phòng 100% giá trị phải thu.

9. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	207.685.351.891	(2.562.640.431)	171.387.417.917	(2.562.640.431)
Hàng hóa	6.308.335.410	-	9.117.024.974	-
Nguyên liệu, vật liệu	22.770.149.189	-	18.364.401.331	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.072.690.170	-	1.086.543.050	-
Công cụ, dụng cụ	576.552.017	-	573.936.225	-
TỔNG CỘNG	239.413.078.677	(2.562.640.431)	200.529.323.497	(2.562.640.431)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Số đầu kỳ	2.562.640.431	1.003.568.550
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	2.585.511.215
Số cuối kỳ	2.562.640.431	3.589.079.765

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Ngắn hạn		
Bao bì, tem nhãn	3.000.317.412	2.683.919.097
TỔNG CỘNG	3.000.317.412	2.683.919.097
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa, cải tạo	1.856.609.880	935.921.254
TỔNG CỘNG	1.856.609.880	935.921.254

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:					Tổng cộng
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	144.734.392.762	94.802.787.601	24.513.131.933	1.774.072.790	265.824.385.086
Tăng trong kỳ	162.513.533.070	65.245.047.998	3.175.870.433	80.806.000	231.015.257.501
Góp vốn vào công ty con	(151.870.819.002)	(64.160.385.998)	-	(40.986.000)	(216.072.191.000)
Thanh lý	-	-	(3.004.814.750)	-	(3.004.814.750)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	155.377.106.830	95.887.449.601	24.684.187.616	1.813.892.790	277.762.636.837
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	13.745.357.772	27.183.326.145	10.198.657.303	732.563.000	51.859.904.220
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	45.398.032.334	50.625.451.862	14.534.007.791	1.539.665.761	112.097.157.748
Khấu hao trong kỳ	3.398.471.186	3.291.285.777	1.038.887.643	103.966.574	7.832.611.180
Thanh lý	-	-	(1.972.579.084)	-	(1.972.579.084)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	48.796.503.520	53.916.737.639	13.600.316.350	1.643.632.335	117.957.189.844
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	99.336.360.428	44.177.335.739	9.979.124.142	234.407.029	153.727.227.338
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	106.580.603.310	41.970.711.962	11.083.871.266	170.260.455	159.805.446.993

Công ty đã sử dụng toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị thuộc nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng và nhà máy gao tại thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam làm tài sản thế chấp cho khoản vay trung hạn từ ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai. Khoản vay đã được hoàn trả và Công ty đang trong quá trình thực hiện các thủ tục cần thiết để giải chấp các tài sản này.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất		Phần mềm máy tính	Bản quyền	Tài sản cố định vô hình khác	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
Nguyên giá:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	2.275.787.000		1.733.477.000	10.792.000.000	-	14.801.264.000
Mua trong kỳ	-		-	3.481.500.000	3.768.362.922	7.249.862.922
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	2.275.787.000		1.733.477.000	14.273.500.000	3.768.362.922	22.051.126.922
Trong đó:						
Đã hao mòn hết	-		-	9.310.000.000	-	9.310.000.000
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	-		967.996.809	9.746.229.163	-	10.714.225.972
Hao mòn trong kỳ	-		207.279.822	134.230.000	83.741.400	425.251.222
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	-		1.175.276.631	9.880.459.163	83.741.400	11.139.477.194
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	2.275.787.000		765.480.191	1.045.770.837	-	4.087.038.028
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	2.275.787.000		558.200.369	4.393.040.837	3.684.621.522	10.911.649.728

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Chi phí liên quan đến Dự án Trung tâm Công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản Đồng Tháp (*)	84.607.740.041	263.319.941.070
Dự án Phương Mai	1.019.394.700	1.019.394.700
TỔNG CỘNG	85.627.134.741	264.339.335.770

(*) Dự án Trung tâm Công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản Đồng Tháp ("Dự án") được thực hiện tại cụm công nghiệp Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Trong năm 2020, Dự án này đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp phê duyệt chủ trương chuyển đổi nhà đầu tư từ Công ty sang Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam. Các tài sản được Công ty đầu tư hình thành cho Dự án đã được Công ty góp vốn vào Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam như trình bày tại Thuyết minh số 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là giá trị tài sản mà Công ty đang tiếp tục đầu tư cho Dự án và sẽ được sử dụng để tiếp tục góp vốn cho Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam trong thời gian tới.

Trong năm, Công ty đã ghi nhận vào khoản mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chi phí lãi vay với tổng số tiền là 4.907.218.440 VND (2019: 6.514.184.797 VND). Các khoản chi phí lãi vay này liên quan đến khoản vay nhằm đầu tư hình thành tài sản.

Công ty sử dụng toàn bộ máy móc, thiết bị hình thành trong tương lai và phần giá trị gia tăng liên quan cùng với các quyền và lợi ích khác phát sinh liên quan đến máy móc, thiết bị thuộc Dự án Trung tâm Công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản Đồng Tháp làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long như Thuyết minh số 18.3.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020				Ngày 31 tháng 12 năm 2019				Đơn vị tính: VND
	Giá gốc (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Dự phòng	Giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Dự phòng	Giá trị hợp lý (VND)	
Đầu tư vào công ty con									
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	780.948.492.526	12.794.862	-	680.686.658.400	780.948.492.526	12.794.862	-	771.530.178.600	
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây (i)	30.608.000.000	306.080	-	(ii)	30.608.000.000	306.080	-	(ii)	
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam (i)	6.823.788.000	450.100	-	(ii)	6.823.788.000	450.100	-	(ii)	
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam (i)	47.000.000.000	4.700.000	-	(ii)	47.000.000.000	4.700.000	-	(ii)	
- Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam (iv)	216.072.191.000	-	-	(ii)	-	-	-	-	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác									
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Thái Bình (i) (ii)	13.333.640.000	99.938	-	(ii)	13.333.640.000	99.938	-	(ii)	
- Đơn vị khác (i) (iii)	12.715.380.000	94.188	-	(ii)	12.715.380.000	94.188	-	(ii)	
TỔNG CỘNG	1.107.501.491.526				891.429.300.526				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

- (i) Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.
- (ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty sở hữu 10,03% cổ phần trong Công ty Cổ phần Giống cây trồng Thái Bình.
- (iii) Đây là khoản đầu tư vào cổ phiếu của một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt và kinh doanh các sản phẩm giống cây trồng.
- (iv) Vào ngày 1 tháng 11 năm 2019, Công ty đã thành lập Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 7407342160 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1402133347. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty đã góp đủ số vốn điều lệ theo các Giấy Chứng nhận này bằng tài sản cố định với tổng giá trị là 216.072.191.000 VND, tương ứng 100% tỷ lệ sở hữu vào công ty này như Thuyết minh số 4.

Công ty cũng sử dụng toàn bộ máy móc, thiết bị hình thành trong tương lai và phần giá trị gia tăng liên quan cùng với các quyền và lợi ích khác phát sinh liên quan đến máy móc, thiết bị thuộc Dự án Trung tâm Công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản Đồng Tháp làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long như Thuyết minh số 18.3.

Chi tiết tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại các công ty con như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	96.41%	96.41%	96.41%	96.41%
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	53.80%	53.80%	53.80%	53.80%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	90.02%	90.02%	90.02%	90.02%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	94.00%	94.00%	94.00%	94.00%
Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%

Thông tin về các khoản đầu tư vào các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

15.1 Phải trả cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Giống cây trồng Vạn Xuyên - Trung Quốc	15.223.209.165	15.223.209.165	56.889.980.209	56.889.980.209
Phải trả đối tượng khác	31.491.770.658	31.491.770.658	29.975.726.353	29.975.726.353
Phải trả nhà thầu xây dựng	9.277.857.710	9.277.857.710	16.253.226.518	16.253.226.518
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	28.029.621.367	28.029.621.367	4.589.756.667	4.589.756.667
TỔNG CỘNG	84.022.458.900	84.022.458.900	107.708.689.747	107.708.689.747

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ông Nguyễn Phi Võ	918.010.850	1.000.893.950
Ông Trần Văn Kỳ	-	1.078.553.041
Người mua trả tiền trước khác	2.907.168.021	6.858.315.108
TỔNG CỘNG	3.825.178.871	8.937.762.099

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2020
Thuế giá trị gia tăng	8.580.746	113.726.120	(8.580.746)	113.726.120
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.774.054.479	5.051.512.709	(3.183.348.038)	4.642.219.150
Thuế thu nhập cá nhân	529.748.729	3.850.623.612	(4.195.690.338)	184.682.003
Thuế khác	-	79.833.032	(79.833.032)	-
TỔNG CỘNG	3.312.383.954	9.095.695.473	(7.467.452.154)	4.940.627.273

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Tạm ứng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	81.000.000.000	81.000.000.000
Cổ tức phải trả	70.298.064.000	26.361.774.000
Quỹ lương chưa thanh toán đã nộp thuế TNDN	14.274.804.608	14.274.804.608
Hỗ trợ công tác xã hội	4.400.000.000	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.299.996.750	2.299.996.750
Phí xuất nhập và bảo quản hàng dự trữ quốc gia	2.016.702.956	446.701.956
Phải trả cho đơn vị khoán sản xuất	1.198.081.580	1.259.414.542
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, kinh phí công đoàn	223.624.323	7.836.780
Phải trả lãi vay trái phiếu	-	5.648.765.297
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	8.070.783.356	4.008.578.426
TỔNG CỘNG	183.782.057.573	135.307.872.359
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn khác bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 27)</i>	140.202.803.187	102.118.060.500
<i>Phải trả ngắn hạn đối tượng khác</i>	43.579.254.386	33.189.811.859

(*) Đây là tiền tạm ứng từ Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam liên quan đến Dự án Trung tâm Công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản Đồng Tháp theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 452/HĐ/NSC-SSC ngày 15 tháng 11 năm 2018. Hợp đồng này đã chấm dứt vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và các bên đang hoàn tất thủ tục để tất toán khoản tiền tạm ứng này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019				Trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2020		Đơn vị tính: VND
	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ			
	Giá trị								
Vay ngắn hạn		178.577.573.800	178.577.573.800	185.176.130.400	(215.128.503.450)	148.625.200.750	148.625.200.750		
Vay ngân hàng	18.1	71.577.573.800	71.577.573.800	133.036.130.400	(108.128.503.450)	96.485.200.750	96.485.200.750		
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	18.3	-	-	22.140.000.000	-	22.140.000.000	22.140.000.000		
Trái phiếu phát hành		100.000.000.000	100.000.000.000	-	(100.000.000.000)	-	-		
Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả		7.000.000.000	7.000.000.000	-	(7.000.000.000)	-	-		
Vay các bên liên quan		-	-	-	-	-	-		
(Thuyết minh số 27)	18.2	-	-	30.000.000.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000		
Vay dài hạn		53.989.493.725	53.989.493.725	17.959.148.228	(27.675.000.000)	44.273.641.953	44.273.641.953		
Vay ngân hàng	18.3	53.989.493.725	53.989.493.725	17.959.148.228	(27.675.000.000)	44.273.641.953	44.273.641.953		
TỔNG CỘNG		232.567.067.525	232.567.067.525	203.135.278.628	(242.803.503.450)	192.898.842.703	192.898.842.703		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

18.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng, với lãi suất từ khoảng 5% đến 5,8%, được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2020 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	69.335.200.750	Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 10 tháng với kỳ hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 25 tháng 9 năm 2020. Lãi trả vào ngày 26 hàng tháng.	Tín chấp
Ngân hàng Shinhan Hà Nội – Chi nhánh Phạm Hùng	27.150.000.000	Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 3 tháng với kỳ hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 27 tháng 8 năm 2020. Lãi trả vào ngày 10 hàng tháng.	Tín chấp
TỔNG CỘNG	96.485.200.750		

18.2 Các khoản vay các bên liên quan ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ các bên liên quan, với lãi suất 5,2%, được trình bày như sau:

Bên liên quan	Ngày 30 tháng 6 năm 2020 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	30.000.000.000	Lãi vay được thanh toán một lần cùng với gốc vay vào ngày 26 tháng 8 năm 2020.	Tín chấp
TỔNG CỘNG	30.000.000.000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

18.3 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng, với lãi suất khoảng 9%, được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Kỳ hạn trả gốc và lãi (VND)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	66.413.641.953	Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 45 tháng với kỳ hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 4 tháng 6 năm 2023. Lãi trả vào ngày 26 hàng tháng.	Các máy móc, thiết bị đã góp vốn và bàn giao quyền sở hữu cho Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam; và các máy móc, thiết bị hình thành trong tương lai và phần giá trị gia tăng liên quan cùng với các quyền và lợi ích khác phát sinh liên quan đến máy móc, thiết bị thuộc Dự án Trung tâm Công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản Đồng Tháp như Thuyết minh số 13 và 14.

TỔNG CỘNG

66.413.641.953

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả

22.140.000.000

Vay dài hạn

44.273.641.953

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	347.875.169.943	342.505.501.526	1.197.446.079.319
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	109.233.566.161	109.233.566.161
Chia cổ tức	-	-	-	-	(52.723.548.000)	(52.723.548.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	(32.109.186.789)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(20.021.480.676)	(20.021.480.676)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(426.190.474)	(426.190.474)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(8.215.674.307)	-	(8.215.674.307)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	371.768.682.425	346.458.661.748	1.225.292.752.023

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
						Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	363.972.538.007	444.516.466.675	1.315.554.412.532
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	70.025.023.518	70.025.023.518
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(70.298.064.000)	(70.298.064.000)
Trích lập quỹ (*)	-	-	-	52.359.986.083	(52.359.986.083)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(20.190.014.297)	(20.190.014.297)
Sử dụng quỹ (**)	-	-	-	(12.197.907.593)	-	(12.197.907.593)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	404.134.616.497	371.693.425.813	1.282.893.450.160

(*) Việc trích lập các quỹ và chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2019 được thực hiện theo Nghị quyết số 36/NQ-ĐHĐCĐ2020 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty vào ngày 22 tháng 6 năm 2020.

(**) Công ty đã sử dụng một phần quỹ đầu tư phát triển để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020			Ngày 31 tháng 12 năm 2019		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp của chủ sở hữu	175.869.880.000	175.869.880.000	-	175.869.880.000	175.869.880.000	-
- Công ty Cổ phần PAN FARM	140.787.070.000	140.787.070.000	-	140.787.070.000	140.787.070.000	-
- Các cổ đông khác	35.082.810.000	35.082.810.000	-	35.082.810.000	35.082.810.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	331.245.527.850	331.245.527.850	-	331.245.527.850	331.245.527.850	-
TỔNG CỘNG	507.115.407.850	507.115.407.850	-	507.115.407.850	507.115.407.850	-

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Vốn đã góp		
Số đầu kỳ	175.869.880.000	175.869.880.000
Số cuối kỳ	175.869.880.000	175.869.880.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	70.298.064.000	52.723.548.000
Cổ tức cho năm 2019: 4.000 đồng/cổ phiếu	70.298.064.000	-
Cổ tức cho năm 2018: 3.000 đồng/cổ phiếu	-	52.723.548.000
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	26.361.774.000	26.361.774.000
Cổ tức cho năm 2018: 1.500 đồng/cổ phiếu	26.361.774.000	26.361.774.000

19.4 Cổ phiếu

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.586.988	17.586.988
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	17.586.988	17.586.988
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Cổ phiếu phổ thông	12.472	12.472
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	17.574.516	17.574.516
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu (2019: 10.000 đồng/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Tài sản nhận giữ hộ Nhà nước (VND)	-	762.740.055
Hàng hóa nhận giữ hộ Nhà nước (VND)	92.763.732.317	106.194.556.318
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	10.574	10.574
- Nhân dân tệ (CNY)	10.096	80.316
- Euro (EUR)	2.170	170
Nợ khó đòi đã xử lý	2.892.931.475	2.892.931.475

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Tổng doanh thu	463.198.115.415	506.935.742.086
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	463.198.115.415	506.935.742.086
Các khoản giảm trừ doanh thu:	46.033.095.706	55.586.959.726
Chiết khấu thương mại	6.972.650.349	12.320.614.841
Hàng bán bị trả lại	38.832.060.357	43.255.736.885
Giảm giá hàng bán	228.385.000	10.608.000
Doanh thu thuần	417.165.019.709	451.348.782.360
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu từ bán hàng cho bên thứ ba	371.752.705.504	427.336.326.535
Doanh thu từ bán hàng cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	45.412.314.205	24.012.455.825

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Lãi tiền gửi	75.385.411	100.061.748
Cổ tức được chia	2.569.316.265	32.638.663.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	661.916.021	493.853.138
TỔNG CỘNG	3.306.617.697	33.232.577.886

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	269.117.279.407	277.719.631.768
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	2.585.511.215
TỔNG CỘNG	269.117.279.407	280.305.142.983

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Chi phí lãi vay	3.034.540.961	5.968.421.790
Chiết khấu thanh toán	1.064.875.805	412.654.766
Lỗ chênh lệch tỷ giá	897.508.721	1.221.518.295
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	-	(65.442.300)
TỔNG CỘNG	4.996.925.487	7.537.152.551

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Chi phí bán hàng		
- Chi phí tiền lương	9.872.770.098	19.679.893.958
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.917.683.553	10.538.473.289
- Chi phí bán hàng khác	15.881.867.248	14.028.777.321
TỔNG CỘNG	38.672.320.899	44.247.144.568
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí tiền lương	23.245.002.709	26.824.906.282
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.505.680.715	12.331.921.146
TỔNG CỘNG	32.750.683.424	39.156.827.428

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa	295.029.750.964	284.717.426.560
Chi phí nhân công	38.923.441.379	51.911.823.901
Chi phí khấu hao và hao mòn	8.257.862.402	7.669.309.123
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.814.672.245	27.714.765.920
Chi phí khác	2.989.948.270	6.866.125.856
TỔNG CỘNG	375.015.675.260	378.879.451.360

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Căn cứ vào Giấy Chứng nhận số 03/DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011, Công ty được chấp thuận là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ ("KH&CN"), và theo đó, Công ty được miễn, giảm thuế TNDN như doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ kể từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện: doanh thu của các sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN trong năm thứ nhất từ 30% tổng doanh thu trở lên, năm thứ hai từ 50% tổng doanh thu trở lên và năm thứ ba trở đi từ 70% tổng doanh thu trở lên. Cụ thể:

- (i) Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN;
- (ii) Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 (bốn) năm và giảm 50% trong 9 (chín) năm tiếp theo; và
- (iii) Thuế suất đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác là 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Thuế TNDN hiện hành	4.642.219.151	4.065.170.763
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu kỳ trước	409.293.558	-
TỔNG CỘNG	5.051.512.709	4.065.170.763

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	75.076.536.227	113.298.736.924
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	4.866.417.855	5.669.286.172
- Hoạt động khoa học và công nghệ: 5%	3.049.223.153	5.663.487.072
- Hoạt động khác: 20%	1.817.194.702	5.799.100
Các khoản điều chỉnh tăng:		
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	409.293.558	-
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	23.063.549	27.817.741
Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(247.262.253)	(1.631.933.150)
Chi phí thuế TNDN	5.051.512.709	4.065.170.763

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

26.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	Đơn vị tính: VND			
	Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Kỳ này	Kỳ trước
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Chiết khấu thương mại chưa xuất hóa đơn	790.472.349	790.472.349	-	-
	790.472.349	790.472.349		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ			-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	Công ty con	Xuất bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm Cổ tức được chia Vận chuyển	7.873.689.000 - -	9.556.231.000 918.240.000 9.253.182
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	Công ty con	Xuất bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm (đã bao gồm giảm trừ chiết khấu hàng bán) Mua hàng hóa Cổ tức được chia	24.528.217.500 2.398.117.100 675.150.000	9.277.015.930 153.235.000 4.501.000.000
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con	Xuất bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm Cổ tức được chia Mua hàng hóa Nhận tiền đầu tư dự án Đi vay Lãi vay Thuê văn phòng	4.659.214.000 - 26.571.531.415 - 30.000.000.000 153.863.014 1.379.095.416	5.179.208.895 25.589.724.000 15.312.096.370 41.000.000.000 - - -
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Cổ tức đã công bố Cổ tức đã trả	56.274.891.739 21.118.060.500	42.236.121.000 -
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	Công ty con	Mua hàng hóa	1.157.533.205	900.817.892
Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam	Công ty con	Mua hàng hóa Xuất bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm	4.349.676.417 7.539.189.805	- -
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty cùng tập đoàn	Xuất bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm	812.003.900	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoài khoản vay bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 18.2, số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2019: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	Công ty con	Bán hàng hóa	2.334.783.600	2.232.549.000
Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam	Công ty con	Bán hàng hóa	14.307.743.039	-
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	Công ty con	Bán hàng hóa	6.724.636.550	8.251.983.430
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng Pan	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng hóa	-	181.421.000
			23.367.163.189	10.665.953.430
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	Công ty con	Mua hàng hóa	2.468.314.601	675.884.601
			2.468.314.601	675.884.601
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)				
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con	Phải thu chi phí nghiên cứu	-	3.108.066.865
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	Công ty con	Phải thu về chi phí chi phí hoạt động	786.630.870	1.203.661.920
Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam	Công ty con	Tạm ứng cho sản xuất	16.974.403	500.000.000
			803.605.273	4.811.728.785
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15.1)				
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con	Mua hàng hóa	28.029.621.367	4.589.756.667
			28.029.621.367	4.589.756.667
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)				
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con	Phải trả tiền đầu tư dự án	81.000.000.000	81.000.000.000
		Phải trả tạm ứng kinh phí hoạt động	2.927.911.448	-
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Phải trả tiền cổ tức	56.274.891.739	21.118.060.500
			140.202.803.187	102.118.060.500

Chi tiết khoản vay ngắn hạn với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 được trình bày tại Thuyết minh số 18.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị trong kỳ:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Lương và các chi phí liên quan	5.730.619.083	6.297.479.083
TỔNG CỘNG	5.730.619.083	6.297.479.083

28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất, kinh doanh và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ liên quan đến giống cây trồng. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

29. CÁC CAM KẾT

Cam kết liên quan đến tiền thuê đất

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Đến 1 năm	536.911.302	536.911.302
Trên 1 - 5 năm	2.147.645.208	2.147.645.208
Trên 5 năm	15.838.883.409	16.107.339.060
TỔNG CỘNG	18.523.439.919	18.791.895.570

Cam kết liên quan đến góp vốn tại Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 7407342160 sửa đổi lần 3 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1402133347 sửa đổi lần 1 điều chỉnh thông tin về vốn điều lệ/vốn đầu tư và thành viên góp vốn. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty và Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam, một công ty con của Công ty, có các cam kết góp vốn vào Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam là 114 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty



Người lập
Lê Thành Chung



Kế toán trưởng
Phan Thế Ty



Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Trường

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2020

